

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1522 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 21 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Đức,
huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận họp ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Hàm Tân;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 28/2021/CV.ES ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hải Đông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 252/TTr-STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hải Đông (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND huyện Hàm Tân;
- UBND xã Tân Đức;
- Công ty TNHH Hải Đông;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Ngày ký: 21.06.2021
08:12:59 +07:00

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1522 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hải Đông.
- Địa chỉ liên hệ: xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Bà Phạm Thị Cẩm Tú Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ liên lạc: Số 11A, đường Lương Thế Vinh, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: 0254.3573537 Fax: 0254.3573537 Email: info@seaternsea.com.vn

- Mục tiêu dự án: Khai thác cát xây dựng và vật liệu san lấp phục vụ cho nhu cầu xây dựng tại địa phương và các khu vực lân cận; tạo nguồn thu ngân sách cho huyện Hàm Tân nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung,...

- Phạm vi, quy mô:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản là 26,9 ha, có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Bình Thuận (Kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1.205.692	402.294
2	1.205.429	402.568
3	1.205.946	403.197
4	1.206.102	402.853
Diện tích: 26,9 ha		

- Công suất khai thác nguyên khối, gồm:

+ Cát xây dựng: 35.556 m³/năm.

+ Vật liệu san lấp: 35.000 m³/năm.

- Công suất khai thác nguyên khai, gồm:

+ Cát xây dựng: 40.000 m³/năm (hệ số nở rời 1,125).

+ Vật liệu san lấp: 42.350 m³/năm (hệ số nở rời 1,21).

- Công suất cát xây dựng sau tuyển rửa là 28.000 m³/năm.

- Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác là xúc bóc vận chuyển bằng xe ô tô về hồ tuyển cát phối trộn với nước, sau đó bơm hút bằng máy bơm cao áp qua hệ thống sàng tuyển tạo thành sản phẩm cát xây dựng và bán ra thị trường; vật liệu san lấp được xúc lên ô tô vận chuyển trực tiếp đến nơi tiêu thụ.

- Công trình chính của dự án:

+ Khai trường có diện tích 26,9 ha.

+ Bãi chứa sản phẩm cát xây dựng có diện tích 1.500 m² nằm trong diện tích khai trường được bố trí ở phía Bắc, phía trái tuyến đường nội mỏ số 1; trong bãi chứa này có bố trí diện tích 60 m² lắp đặt trạm cân. Bãi thải tạm đất phủ có diện tích 400 m² nằm ngoài ranh giới mỏ, gần với diện tích moong đang khai thác.

+ Khu vực tuyển rửa cát có diện tích 2.750 m² được đặt ở phía Tây trong ranh giới khai trường, trong đó: Diện tích hồ tuyển cát là 1.750 m² (gồm: hồ bơm có diện tích 1.000 m² và hồ lắng có diện tích 750 m²), diện tích đặt sàng tuyển cát và bãi chứa cát xây dựng tạm sau tuyển, bãi chứa vật liệu thải sau tuyển là 1.000 m².

+ Hồ chứa nước được đặt tại vị trí các moong đã khai thác có địa hình thấp có diện tích khoảng 900 m².

Ngoài ra, Chủ dự án bố trí lán trại có diện tích 300 m² đặt trong ranh mỏ ở phía Bắc, phía phải tuyến đường nội mỏ số 1. Lắp hệ thống mương rãnh thoát nước ngăn cách khu vực khai thác với địa hình xung quanh để ngăn nước mưa chảy tràn vào mỏ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi,... phát sinh từ giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành khai thác, vận chuyển khoáng sản.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành là 0,528 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

- Lưu lượng nước tuyển rửa cát thu hồi khoảng 80% lượng nước ban đầu sử dụng là 276 m³/ngày, nước cấp bổ sung trung bình khoảng 55,2 m³/ngày. Nước thải qua sàng tuyển cát chứa các thành phần hữu cơ, cặn lắng và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác, sàן tuyển và vận chuyển khoáng sản,... chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng là 23,53 tấn, khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn vận hành là 603,37 tấn và thành phần chủ yếu các loại cây các loại cây như mía, khoai mì, cây ăn quả, cao su, cây bụi,...

- Khối lượng đất thải bóc tầng phủ phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành trung bình khoảng 6.500 m³/năm và thành phần chủ yếu là đất phủ, mùn thực vật,...

- Khối lượng đất thải sau tuyển rửa phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành trung bình khoảng 12.000 m³/năm và thành phần chủ yếu là rác thải, sét bột, cát mịn và các tạp chất dạng bùn có lẫn trong cát được tách ra sau tuyển rửa.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 1,5 kg/tháng; khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 6,0 kg/tháng. Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành là 5,5 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt chứa các thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Dự án không có công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Trang bị nhà vệ sinh di động được sản xuất từ vật liệu composite bằng công nghệ đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 04 ngăn với dung tích 550 lít. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý khi đầy.

- Khu vực tuyển rửa cát phải bố trí hệ thống thu gom, hồ bơm, hồ lắng có lót bạt HDPE chống thấm để tuyển rửa cát. Nước sau tuyển rửa cát được

tuần hoàn khoảng 80% so với lượng nước sử dụng ban đầu sử dụng, nước cấp bổ sung khoảng 55,2 m³/ngày và không thải nước sau tuyến rửa cát ra môi trường xung quanh.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc thăm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác đến; tiến hành trồng cây xanh cải tạo phục hồi môi trường phải tiến hành song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây,... để ngăn ngừa, hạn chế tác động do bụi tại các bãi chứa và chất thải rắn loại ra sau tuyến phát tán ra môi trường xung quanh.

- Có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở khoáng sản ra khỏi mỏ. Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường đất với chiều dài 500m, chiều rộng 4,0 m vận chuyển sản phẩm từ mỏ ra đến đường nhựa trong quá trình sử dụng, việc duy tu, sửa chữa phải thực hiện theo hàng năm và khi đường hư hỏng, xuống cấp.

- Bố trí xe bồn tưới nước làm ẩm đường vận chuyển khoáng sản, các bãi chứa với tần suất tưới 02 lần/ngày để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và tăng cường tưới nước với tần suất tưới 04 lần/ngày vào những ngày thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng. Bố trí công nhân quét dọn tuyến đường vận chuyển khoáng sản do xe vận chuyển làm rơi vãi đất, cát,... gây phát sinh bụi, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Các phương tiện vận chuyển khoáng sản phải được phủ bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi; sử dụng đúng trọng tải, thiết kế của động cơ, nhiên liệu,... theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn lớn nhất cho khí thải; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc định kỳ; bố trí thời gian vận chuyển khoáng sản ra vào mỏ phù hợp, không hoạt động vận chuyển khoáng sản vào 04 mốc thời gian sau trong 01 ngày: Từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút, từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Hạn chế việc vận chuyển khoáng sản vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển khoáng sản, xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại mỏ theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường chủ yếu như sau:

- Sinh khối thu được từ quá trình phát quang tận dụng được, Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần sinh khối không tận dụng được sẽ tập kết thành đống và tiến hành đốt bỏ. Khi tiến hành đốt, Chủ dự án có trách nhiệm giám sát, lựa chọn thời điểm đốt vào những ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

- Đất phủ, đất thải sau tuyển rửa cát được thu gom tập kết về bãi thải tạm, sau đó chuyển toàn khối lượng phát sinh đến moong đã khai thác, tiến hành san gạt đáy moong theo năm khai thác để phục vụ việc trồng cây xanh, cải tạo hoàn phục môi trường theo hình thức cuốn chiếu.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, trong đó: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5,0 m²; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa tạm thời tại vị trí lán trại bằng các thùng có nắp đậy dung tích 20 – 50 lít, sau đó chuyển đến vị trí tập kết rác thải sinh hoạt nằm đầu đường nhựa. Toàn bộ sinh hoạt phát sinh được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc và đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn, độ rung lớn vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia cho phép; vận hành máy móc, thiết bị theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung; trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân đúng quy định.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Khai thác các vị trí có địa hình thấp hoặc hạn chế khai thác trong những ngày mưa bão nhằm đảm bảo an toàn cho lao động cũng như thiết bị. Trồng cây, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó để giữ nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác đến.

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

3.8. Cải tạo, phục hồi môi trường:

3.8.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Đáy moong khai thác được san gạt và trồng cây keo lai giam hom theo hình thức cuốn chiếu, cụ thể:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1:

Thực hiện từ năm đầu và hoàn thành khi kết thúc khai thác; thực hiện theo hình thức cuốn chiếu khai thác đến đâu trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường đến đó. Các công việc bao gồm:

- Gia cố bờ moong: Khai thác tới đâu sẽ gia cố bờ moong tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo góc nghiêng bờ kết thúc bằng góc ổn định tự nhiên của vật liệu san lấp là 34° nhằm tránh sạt lở);

- Lắp đặt biển báo xung quanh khu vực đã khai thác;
- San gạt đáy moong đã khai thác;
- Trồng cây xanh (cây keo lai giâm hom) xung quanh bờ moong, đáy moong khai thác và vách taluy;
- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ và trồng cây xanh hai bên đường;
- Đào hệ thống cống điều hòa nước, nước trong hồ chứa ở moong khai thác thoát về sông Giêng qua hệ thống cống thoát nước.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2:

Tiến hành ngay khi kết thúc khai thác và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn (thực hiện trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc khai thác). Các hạng mục thực hiện trong thời gian này gồm:

- Tháo dỡ trạm cân.
- Quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

3.8.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 3.476.248.883 đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi ba đồng*).

- Số lần ký quỹ: 10 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 695.249.777 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (09 lần): 308.999.901 đồng.
- Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ:

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số

38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 điểm cuối hướng gió cách máy xúc đang hoạt động 50 – 100 m.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu, SO₂, NO_x, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát nước sau sàng tuyển

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ lắng.

- Thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng và Coliform.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

d) Giám sát khác

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: Kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung, đảm bảo an toàn trên tuyến đường vận chuyển... Tần suất thực hiện: thường xuyên hằng ngày.

- Giám sát thoát nước mỏ: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra việc vận hành, bơm thoát nước trong mỏ, đặc biệt là mùa mưa nhằm kịp thời giải quyết ngập lụt, gây sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Tần suất thực hiện: thường xuyên.

- Giám sát an toàn lao động: Kiểm tra chất lượng môi trường, điều kiện làm việc tại công trường; tính đầy đủ, an toàn của các trang thiết bị bảo hộ lao động,... Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

- Giám sát xói mòn, sạt lở: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Tần suất tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong toàn dự án: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ môi trường địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định; kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh: đường ống, rò rỉ,... Tần suất thực hiện: Tối thiểu 06 tháng/lần.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo

công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Chủ dự án sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Thực hiện báo cáo công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

6.2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

6.3. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.5 Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ do các cơ quan chức năng quy định./.